

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp dịch vụ theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp dịch vụ làm sạch năm 2024-2025 tại Cơ sở 2
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
4. Loại hợp đồng: Trọn gói.
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM - Cơ sở 2.
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 06 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 16 giờ, ngày 22./5./2024.
9. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá: Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ chào giá online tại website của Bệnh viện và gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Cơ sở 2, Tầng 3, Khu C, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 2, số 201 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TP HCM.

Người liên hệ: Bùi Thanh Quảng

Số điện thoại: (84.28) 3955 5548 - (403)

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà thầu;
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận lưu hành tự do (nếu có), catalogue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác).

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, BQTTN (J20-014-2-dlhung) (03).

TUQ. GIÁM ĐỐC
KT. TRƯỞNG CƠ SỞ
PHÓ TRƯỞNG CƠ SỞ



11

11

PHỤ LỤC 1. PHẠM VI CUNG CẤP

(Đính kèm Công văn số 205./BVĐHYD-CS2 ngày 13 tháng 5 năm 2024)

1. Phạm vi cung cấp

| STT | Danh mục dịch vụ | ĐVT | Khối lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|--|-------|------------|---------------|------------------|
| 1 | Dịch vụ làm sạch năm 2024-2025 tại Cơ sở 2 | Tháng | 12 | | |

2. Bảng giá chi tiết từng khu vực

| STT | Khu vực làm sạch | Diện tích thực tế làm sạch (m ²) | Số ngày làm sạch dự kiến 12 tháng | Đơn giá/số ngày làm việc/m ² | Thành tiền (VND) |
|----------|--|--|-----------------------------------|---|------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| I | Tầng trệt | | | | |
| 1 | Khu phòng khám đa khoa | 305 | 276 | | |
| 2 | Phòng X-Quang | 43,9 | 276 | | |
| 3 | Phòng chờ CT | 7,2 | 276 | | |
| 4 | Nhà vệ sinh khu phòng khám đa khoa | 11 | 365 | | |
| 5 | Phòng Bảo hiểm | 20 | 276 | | |
| 6 | Quầy tiếp nhận khu phòng khám đa khoa | 26 | 276 | | |
| 7 | Sảnh chờ khu tiếp nhận phòng khám đa khoa | 238,62 | 276 | | |
| 8 | Phòng nội soi tiêu hóa | 26,5 | 276 | | |
| 9 | Phòng nội soi gây mê | 43 | 276 | | |
| 10 | Khu siêu âm | 44,7 | 276 | | |
| 11 | Khu phòng khám nhi | 19,12 | 276 | | |
| 12 | Sảnh chờ khu khám nhi, siêu âm | 96 | 276 | | |
| 13 | Quầy nhận bệnh Khoa Phụ sản | 6,2 | 276 | | |
| 14 | Phòng khám sản 8,9,10 | 25 | 276 | | |
| 15 | Hành lang phòng khám sản 8,9,10 | 11 | 276 | | |
| 16 | Nhà vệ sinh khoa sản | 11 | 365 | | |
| 17 | Phòng tiền sản | 5,3 | 276 | | |
| 18 | Phòng xét nghiệm sản | 3,2 | 276 | | |
| 19 | Khu xét nghiệm đa khoa (Khu lấy mẫu, khu hành chính) | 44,34 | 276 | | |
| 20 | Nhà vệ sinh Khu Xét nghiệm | 4,1 | 276 | | |
| 21 | Khuôn viên, bãi giữ xe | 230 | 276 | | |

| | | | | | |
|------------|---|-------|-----|--|--|
| 22 | Kho chứa chất thải rắn (chất thải y tế lây nhiễm, chất thải nguy hại, chất thải sinh hoạt, chất thải tái chế) | 8 | 276 | | |
| 23 | Mặt tiền Lý Thường Kiệt | 150 | 365 | | |
| 24 | Y sinh học phân tử | 35,55 | 276 | | |
| 25 | Khuôn viên cổng Lý Thường Kiệt | 57,6 | 276 | | |
| 26 | Đơn vị Khám sức khỏe | 102 | 276 | | |
| 27 | Mặt tiền cổng Nguyễn Chí Thanh | 34,24 | 365 | | |
| II | Lầu 1 | | | | |
| 28 | Phòng Tai - Mũi - Họng (Phòng nhận bệnh) | 18,2 | 365 | | |
| 29 | Phòng Tiêm thuốc | 8,75 | 365 | | |
| 30 | Phòng Thủ thuật | 8,75 | 365 | | |
| 31 | Phòng Điều dưỡng | 8,75 | 365 | | |
| 32 | Phòng Bác sĩ | 8,75 | 365 | | |
| 33 | Phòng bệnh số 1 | 18,1 | 365 | | |
| 34 | Phòng bệnh số 2 | 18,1 | 365 | | |
| 35 | Phòng bệnh số 3 | 18,1 | 365 | | |
| 36 | Phòng bệnh số 4 | 18,1 | 365 | | |
| 37 | Phòng bệnh số 5 | 18,1 | 365 | | |
| 38 | Phòng bệnh số 6 | 18,1 | 365 | | |
| 39 | Khoa Ngoại Tổng Hợp (Quầy nhận bệnh) | 8,43 | 365 | | |
| 40 | Phòng Thủ thuật | 6,12 | 365 | | |
| 41 | Phòng nhân viên | 7,56 | 365 | | |
| 42 | Phòng Tiêm thuốc | 7,35 | 365 | | |
| 43 | Phòng bệnh số 1 | 13,8 | 365 | | |
| 44 | Phòng bệnh số 2 | 12,03 | 365 | | |
| 45 | Phòng bệnh số 3 | 8,93 | 365 | | |
| 46 | Hành lang Khoa Ngoại tổng hợp | 21 | 365 | | |
| 47 | Nhà vệ sinh lầu 1 | 22,96 | 365 | | |
| III | Khu phòng mổ | | | | |
| 48 | Phòng hồi tỉnh | 55,68 | 365 | | |
| 49 | Phòng mổ 1 | 22,06 | 365 | | |
| 50 | Phòng mổ 2 | 22,73 | 365 | | |
| 51 | Phòng mổ 3 | 21,74 | 365 | | |
| 52 | Phòng mổ 4 | 18,58 | 365 | | |
| 53 | Phòng mổ 5 | 12,5 | 365 | | |
| 54 | Hàng lang Phòng mổ | 86,94 | 365 | | |
| 55 | Kho phòng mổ(Kho sạch) | 20,27 | 365 | | |

| | | | | | |
|------------------|--|--------------|-----|--|--|
| 56 | Phòng Bác sĩ trực | 26 | 365 | | |
| 57 | Khu thanh trùng | 45,5 | 276 | | |
| IV | Lầu 2 | | | | |
| 58 | Hành lang lầu 2 | 198,23 | 276 | | |
| 59 | Nhà vệ sinh lầu 2 | 26,6 | 365 | | |
| 60 | Phòng Hành Chính Đơn vị Chấn Thương Chính Hình | 11,6 | 365 | | |
| 61 | Phòng Thẩm Mỹ Chăm Sóc Da | 8,06 | 276 | | |
| 62 | Phòng Thính Lực | 6,78 | 276 | | |
| 63 | Phòng Điện Cơ | 6,78 | 276 | | |
| 64 | Phòng Đo Mắt | 6,8 | 276 | | |
| 65 | Phòng Khám Quốc tế 1 | 10,5 | 276 | | |
| 66 | Phòng Khám Quốc tế 2 | 10,5 | 276 | | |
| 67 | Phòng Khám Da Liễu | 19,6 | 276 | | |
| 68 | Phòng Bệnh số 7 | 18,1 | 365 | | |
| 69 | Phòng Bệnh số 8 | 18,1 | 365 | | |
| 70 | Phòng Bệnh số 9 | 18,1 | 365 | | |
| 71 | Phòng Bệnh số 10 | 18,1 | 365 | | |
| 72 | Phòng Hội Thảo 1, 2 | 206 | 276 | | |
| 73 | Nhà vệ sinh Khu Hội Thảo 1, 2 | 14,4 | 276 | | |
| 74 | Phòng IT | 10,2 | 276 | | |
| 75 | Phòng giải phẫu bệnh | 12 | 276 | | |
| V | Lầu 3 | | | | |
| 76 | Khu hành chính lầu 3 | 137 | 276 | | |
| Tổng cộng | | 2.968 | | | |

PHỤ LỤC 2. YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ làm sạch 2024-2025
- Địa điểm thực hiện: 201 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TPHCM
- Bệnh viện có 3 tòa nhà: Khu A – 03 tầng; Khu B – 03 tầng; Khu C - 04 tầng
- Quy mô Bệnh viện: Số giường kế hoạch 60 giường, trung bình khoảng 900-1.000 lượt khám ngoại trú/ngày
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng trong nước
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ
- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
- Thời gian dự kiến bắt đầu thực hiện hợp đồng 30/12/2024

2. Mục tiêu công việc

Nhà thầu phải đáp ứng tất cả các yêu cầu kỹ thuật của Bên mời thầu để đem lại chất lượng dịch vụ làm sạch cao, đảm bảo công tác kiểm soát nhiễm khuẩn và luôn giữ vệ sinh sạch sẽ cho Bệnh viện.

3. Yêu cầu về thực hiện dịch vụ

3.1. Yêu cầu về chứng chỉ nhà thầu

Nhà thầu có chứng chỉ ISO 9001 về hệ thống quản lý chất lượng và chứng chỉ ISO 14001 về hệ thống quản lý môi trường.

3.2. Các cấp độ vệ sinh

3.2.1 Vệ sinh đáp ứng nhanh/trực: Nhân viên vệ sinh phải làm sạch và khử khuẩn ngay lập tức khi Bệnh viện thông báo vụ dịch và khi Bệnh viện thông báo ca bệnh truyền nhiễm (nguy cơ lây nhiễm cao) nhằm ngăn chặn kịp thời nguy cơ lây lan tác nhân gây bệnh.

3.2.2 Vệ sinh tổng thể: Nhân viên vệ sinh phải làm sạch và khử khuẩn định kỳ tất cả các bề mặt (có/không có vết bẩn) tại khu vực phụ trách nhằm duy trì sự sạch sẽ và hạn chế nguy cơ lây lan tác nhân gây bệnh.

3.2.3 Vệ sinh thường quy duy trì cấp 1: Nhân viên vệ sinh phải luôn có mặt để làm sạch và khử khuẩn hàng ngày tất cả các bề mặt (có khoảng cách từ 2 mét trở xuống sàn) tại khu vực phụ trách, gồm: phòng mổ, phòng thủ thuật, khu kỹ thuật cận lâm sàng, khu hồi sức, khu chờ khám, khu vệ sinh công cộng nhằm duy trì sự sạch sẽ và hạn chế nguy cơ lây lan tác nhân gây bệnh.

3.2.4 Vệ sinh thường quy duy trì cấp 2: Nhân viên vệ sinh thường xuyên có mặt hàng ngày để làm sạch và khử khuẩn (nếu cần) các bề mặt (có khoảng cách từ 2 mét trở xuống sàn) tại khu vực phụ trách, gồm: hành lang, ngoại cảnh, sân, vỉa hè, khu hành chính, khu lưu chất thải tập trung nhằm duy trì sự sạch sẽ và hạn chế nguy cơ lây lan tác nhân gây bệnh.

3.2.5 Vệ sinh thường quy đối với từng khu vực nguy cơ

| Nguyên tắc về | Khu vực nguy cơ rất cao | Khu vực nguy cơ cao | Khu vực nguy cơ trung bình và thấp |
|-----------------------------|--|---|---|
| Tần suất | <ul style="list-style-type: none"> - Theo hướng dẫn từ Bộ Y tế - Khi có yêu cầu của NVYT - Cuối tuần và cuối tháng theo quy định có trước đó | <ul style="list-style-type: none"> - Theo hướng dẫn từ Bộ Y tế - Cuối tuần và cuối tháng: có lịch vệ sinh cụ thể và được sắp xếp trước | <ul style="list-style-type: none"> - Theo hướng dẫn từ Bộ Y tế - Cuối tuần, cuối tháng: khi Bệnh viện có thể sắp xếp được |
| Hóa chất | <ul style="list-style-type: none"> - Chất tẩy rửa với mục đích làm sạch chất hữu cơ, vô cơ (máu, dịch, dầu mỡ, a-xít tẩy rửa) - Dung dịch khử khuẩn pha đúng nồng độ quy định của bệnh viện hoặc theo hướng dẫn của nhà sản xuất | <ul style="list-style-type: none"> - Chất tẩy rửa với mục đích làm sạch - Dung dịch khử khuẩn pha đúng nồng độ quy định của bệnh viện hoặc theo hướng dẫn của nhà sản xuất | <ul style="list-style-type: none"> - Chất tẩy rửa với mục đích làm sạch - Dung dịch khử khuẩn mức độ trung bình |
| Móp và khăn lau | <ul style="list-style-type: none"> - Dùng một lần và không nhúng, giặt tại nơi sử dụng - Có mã màu theo quy định | <ul style="list-style-type: none"> - Dùng một lần và không nhúng, giặt tại nơi sử dụng - Có mã màu theo quy định | <ul style="list-style-type: none"> - Dùng một lần và không nhúng, giặt tại nơi sử dụng - Có mã màu theo quy định |
| Trang phục | <ul style="list-style-type: none"> - Có phương tiện phòng hộ cá nhân (áo choàng, 2 lớp khẩu trang y tế, kính/tấm che mặt, găng tay sạch dày và dài quá cổ tay) khi thu gom, dọn dẹp trong vùng có NB lây nhiễm | <ul style="list-style-type: none"> - Có đồng phục riêng cho nhân viên vệ sinh trong khu vực phòng mổ, khu hồi sức, ... - Có áo choàng bên ngoài dài qua khỏi đầu gối cho nhân viên khi có nhu cầu ra ngoài khu vực vô khuẩn | <ul style="list-style-type: none"> - Bình thường theo quy định trang phục cho nhân viên vệ sinh hàng ngày của Bộ Y tế |
| Biển báo “đang làm vệ sinh” | <ul style="list-style-type: none"> - Khi lau và khử khuẩn phải có biển báo (chỉ mở cửa ra vùng không có người qua lại giúp làm giảm mùi hóa chất) | <ul style="list-style-type: none"> - Khi lau phải có biển báo | <ul style="list-style-type: none"> - Khi lau phải có biển báo |

| Nguyên tắc về | Khu vực nguy cơ rất cao | Khu vực nguy cơ cao | Khu vực nguy cơ trung bình và thấp |
|---------------------------------|---|---|---|
| Bảng kiểm/ Bảng hướng dẫn | <ul style="list-style-type: none"> - Có bảng hướng dẫn cho NVYT và cho NB, người nhà NB giữ vệ sinh chung - Có bảng kiểm đánh giá công việc hàng ngày được dán ngay nơi cần vệ sinh | <ul style="list-style-type: none"> - Có bảng kiểm đánh giá công việc hàng ngày được dán ngay nơi cần vệ sinh | <ul style="list-style-type: none"> - Có bảng kiểm đánh giá công việc định kỳ |

3.3. Diện tích khu vực, số ngày, tần suất làm sạch

- Nhà thầu phải thực hiện công việc làm sạch tại các khu vực có diện tích, số ngày làm sạch và tần suất làm sạch như sau:

Bảng 3.3.1. Diện tích khu vực, số ngày, tần suất làm sạch

| Stt | Khu vực làm sạch | Diện tích thực tế làm sạch (m2) | Số ngày làm sạch dự kiến 12 tháng | Tần suất vệ sinh (lần/ngày) | Tần suất tổng thể (ngày/lần) |
|----------|---|---------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| I | Tầng 1 | | | | |
| 1 | Khu phòng khám đa khoa | 305 | 276 | 4 | 30 |
| 2 | Phòng X-Quang | 43,9 | 276 | 4 | 30 |
| 3 | Phòng chờ CT | 7,2 | 276 | 2 | 30 |
| 4 | Nhà vệ sinh khu phòng khám đa khoa | 11 | 365 | 8 | 30 |
| 5 | Phòng Bảo hiểm | 20 | 276 | 2 | 30 |
| 6 | Quầy tiếp nhận khu phòng khám đa khoa | 26 | 276 | 2 | 30 |
| 7 | Sảnh chờ khu tiếp nhận phòng khám đa khoa | 238,62 | 276 | 2 | 30 |
| 8 | Phòng nội soi tiêu hóa | 26,5 | 276 | 4 | 30 |
| 9 | Phòng nội soi gây mê | 43 | 276 | 4 | 30 |

| Stt | Khu vực làm sạch | Diện tích thực tế làm sạch (m2) | Số ngày làm sạch dự kiến 12 tháng | Tần suất vệ sinh (lần/ngày) | Tần suất tổng thể (ngày/lần) |
|-----|---|---------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 10 | Khu siêu âm | 44,7 | 276 | 4 | 30 |
| 11 | Khu phòng khám nhi | 19,12 | 276 | 2 | 30 |
| 12 | Sảnh chờ khu khám nhi, siêu âm | 96 | 276 | 2 | 30 |
| 13 | Quầy nhận bệnh Khoa Phụ sản | 6,2 | 276 | 4 | 30 |
| 14 | Phòng khám sản 8,9,10 | 25 | 276 | 2 | 30 |
| 15 | Hành lang phòng khám sản 8,9,10 | 11 | 276 | 2 | 30 |
| 16 | Nhà vệ sinh khoa sản | 11 | 365 | 2 | 30 |
| 17 | Phòng tiền sản | 5,3 | 276 | 3 | 7 |
| 18 | Phòng xét nghiệm sản | 3,2 | 276 | 2 | 30 |
| 19 | Khu xét nghiệm đa khoa (Khu lấy mẫu, khu hành chính) | 44,34 | 276 | 2 | 30 |
| 20 | Nhà vệ sinh Khu Xét nghiệm | 4,1 | 276 | 2 | 30 |
| 21 | Khuôn viên, bãi giữ xe | 230 | 276 | 2 | 30 |
| 22 | Kho chứa chất thải rắn (chất thải y tế lây nhiễm, chất thải nguy hại, chất thải sinh hoạt, chất thải tái chế) | 8 | 276 | 2 | 30 |
| 23 | Mặt tiền Lý Thường Kiệt | 150 | 365 | 2 | 30 |
| 24 | Y sinh học phân tử | 35,55 | 276 | 2 | 30 |

| Stt | Khu vực làm sạch | Diện tích thực tế làm sạch (m2) | Số ngày làm sạch dự kiến 12 tháng | Tần suất vệ sinh (lần/ngày) | Tần suất tổng thể (ngày/lần) |
|-----------|--|---------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 25 | Khuôn viên cổng Lý Thường Kiệt | 57,6 | 276 | 2 | 30 |
| 26 | Đơn vị Khám sức khỏe | 102 | 276 | 2 | 30 |
| 27 | Mặt tiền cổng Nguyễn Chí Thanh | 34,24 | 365 | 2 | 30 |
| II | Tầng 2 | | | | |
| 28 | Phòng Tai - Mũi - Họng (Phòng nhận bệnh) | 18,2 | 365 | 2 | 30 |
| 29 | Phòng Tiêm thuốc | 8,75 | 365 | 2 | 30 |
| 30 | Phòng Thủ thuật | 8,75 | 365 | 2 | 30 |
| 31 | Phòng Điều dưỡng | 8,75 | 365 | 2 | 30 |
| 32 | Phòng Bác sĩ | 8,75 | 365 | 2 | 30 |
| 33 | Phòng bệnh số 1 | 18,1 | 365 | 2 | 30 |
| 34 | Phòng bệnh số 2 | 18,1 | 365 | 2 | 30 |
| 35 | Phòng bệnh số 3 | 18,1 | 365 | 2 | 30 |
| 36 | Phòng bệnh số 4 | 18,1 | 365 | 2 | 30 |
| 37 | Phòng bệnh số 5 | 18,1 | 365 | 2 | 30 |
| 38 | Phòng bệnh số 6 | 18,1 | 365 | 2 | 30 |
| 39 | Khoa Ngoại Tổng Hợp (Quầy nhận bệnh) | 8,43 | 365 | 2 | 30 |
| 40 | Phòng Thủ thuật | 6,12 | 365 | 2 | 30 |
| 41 | Phòng nhân viên | 7,56 | 365 | 2 | 30 |
| 42 | Phòng Tiêm thuốc | 7,35 | 365 | 2 | 30 |
| 43 | Phòng bệnh số 1 | 13,8 | 365 | 2 | 30 |

| Stt | Khu vực làm sạch | Diện tích thực tế làm sạch (m2) | Số ngày làm sạch dự kiến 12 tháng | Tần suất vệ sinh (lần/ngày) | Tần suất tổng thể (ngày/lần) |
|---|--|---------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 44 | Phòng bệnh số 2 | 12,03 | 365 | 2 | 30 |
| 45 | Phòng bệnh số 3 | 8,93 | 365 | 2 | 30 |
| 46 | Hành lang Khoa Ngoại tổng hợp | 21 | 365 | 3 | 30 |
| 47 | Nhà vệ sinh tầng 1 | 22,96 | 365 | 4 | 30 |
| Khu phòng mổ - Khoa Gây mê hồi sức | | | | | |
| 48 | Phòng hồi tỉnh | 55,68 | 365 | Theo ca mổ | 7 |
| 49 | Phòng mổ 1 | 22,06 | 365 | Theo ca mổ | 7 |
| 50 | Phòng mổ 2 | 22,73 | 365 | Theo ca mổ | 7 |
| 51 | Phòng mổ 3 | 21,74 | 365 | Theo ca mổ | 7 |
| 52 | Phòng mổ 4 | 18,58 | 365 | Theo ca mổ | 7 |
| 53 | Phòng mổ 5 | 12,5 | 365 | Theo ca mổ | 7 |
| 54 | Hàng lang Phòng mổ | 86,94 | 365 | 3 | 7 |
| 55 | Kho phòng mổ (Kho sạch) | 20,27 | 365 | 1 | 30 |
| 56 | Phòng Bác sĩ trực | 26 | 365 | 2 | 30 |
| 57 | Khu thanh trùng | 45,5 | 276 | 2 | 7 |
| III Tầng 3 | | | | | |
| 58 | Hành lang tầng 3 | 198,23 | 276 | 2 | 30 |
| 59 | Nhà vệ sinh tầng 3 | 26,6 | 365 | 4 | 7 |
| 60 | Phòng Hành Chính Đơn vị Chấn Thương Chính Hình | 11,6 | 365 | 2 | 30 |

| Stt | Khu vực làm sạch | Diện tích thực tế làm sạch (m ²) | Số ngày làm sạch dự kiến 12 tháng | Tần suất vệ sinh (lần/ngày) | Tần suất tổng thể (ngày/lần) |
|-----------|-------------------------------|--|-----------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 61 | Phòng Thẩm Mỹ Chăm Sóc Da | 8,06 | 276 | 2 | 30 |
| 62 | Phòng Thính Lực | 6,78 | 276 | 2 | 30 |
| 63 | Phòng Điện Cơ | 6,78 | 276 | 2 | 30 |
| 64 | Phòng Đo Mắt | 6,8 | 276 | 2 | 30 |
| 65 | Phòng Khám Quốc tế 1 | 10,5 | 276 | 2 | 30 |
| 66 | Phòng Khám Quốc tế 2 | 10,5 | 276 | 2 | 30 |
| 67 | Phòng Khám Da Liễu | 19,6 | 276 | 2 | 30 |
| 68 | Phòng Bệnh số 7 | 18,1 | 365 | 2 | 30 |
| 69 | Phòng Bệnh số 8 | 18,1 | 365 | 2 | 30 |
| 70 | Phòng Bệnh số 9 | 18,1 | 365 | 2 | 30 |
| 71 | Phòng Bệnh số 10 | 18,1 | 365 | 2 | 30 |
| 72 | Phòng Hội Thảo 1, 2 | 206 | 276 | 2 | 30 |
| 73 | Nhà vệ sinh Khu Hội Thảo 1, 2 | 14,4 | 276 | 2 | 30 |
| 74 | Phòng IT | 10,2 | 276 | 2 | 30 |
| 75 | Phòng giải phẫu bệnh | 12 | 276 | 2 | 30 |
| IV | Tầng 4 | | | | |
| 76 | Khu hành chính tầng 4 | 137 | 276 | 2 | 30 |
| | Tổng cộng | 2.968 | | | |

- Tần suất vệ sinh tại các khu vực khác:

+ Vệ sinh quạt trần, tường định kỳ 2 tuần/lần;

+ Vệ sinh các lam thông gió, quạt hút thông gió định kỳ 7 ngày/lần;

+ Vệ sinh công Bệnh viện định kỳ vào thứ 7 hoặc chủ nhật hàng tuần; tổng thể định kỳ 1 tháng/lần;

+ Lau bụi các camera ghi hình định kỳ 1 tháng/lần;

+ Vệ sinh rãnh nước tại tầng 1 định kỳ 1 tuần/lần;

+ Vệ sinh đĩa/đế đặt chậu cây trong khu vực hành-lang 1 tuần/lần;

+ Vệ sinh thùng rác đặt trên xe tiêm 1 lần/ngày.

3.4. Yêu cầu chi tiết về làm sạch và chất lượng làm sạch

Bảng 3.4.1. Yêu cầu chi tiết về làm sạch và chất lượng làm sạch

| Stt | Khu vực làm sạch | Vệ sinh thường quy | Vệ sinh tổng thể | Yêu cầu chất lượng làm sạch |
|----------|--|---|---|--|
| I | Bề mặt khu chăm sóc và điều trị | | | |
| 1 | Khu phòng khám đa khoa | <ul style="list-style-type: none"> - Quét và lau sàn 4lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu đối với Khu khám đa khoa, Khu Xét nghiệm đa khoa, Phòng X-Quang, Phòng Nội soi gây mê, phòng Nội soi tiêu hóa - Quét và lau sàn 2lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu đối với các khu vực còn lại - Thu gom rác (2lần/ngày khi bệnh viện yêu cầu) - Lau bàn khám (4lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu) - Lau các thiết bị văn phòng (1lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu) - Lau cửa ra vào, lau các vết bẩn trên cửa kính (2 lần/ngày và | <ul style="list-style-type: none"> - Lau máng đèn (1lần/tháng và khi bệnh viện yêu cầu) - Lau đồng hồ treo tường (1lần/tháng và khi bệnh viện yêu cầu) - Quét mạng nhện (1lần/tháng và khi bệnh viện yêu cầu) - Tổng vệ sinh cửa ra vào (1lần/tuần) - Lau cửa sổ mặt trong và ngoài kể cả khung (1lần/tuần và khi bệnh viện yêu cầu) - Tẩy các vết dơ trên tường (1lần/tuần và khi bệnh viện yêu cầu) - Làm sạch sàn bằng máy chà sàn (1lần/tháng) | <ul style="list-style-type: none"> - Cửa, công tắc, đồng hồ, thiết bị văn phòng không có bụi và vết bẩn. - Sàn không có rác và không đọng nước. - Không có mùi hôi. - Tường không có vết bẩn - Thùng /sọt rác: không dính máu, dịch tiết, không có bụi, băng dính các loại, không gây đọng nước. Cần làm sạch cả trong và ngoài, hoạt động tốt, phải luôn có các bao rác đúng quy định sẵn sẵn. - Gọn gàng, ngăn nắp |
| 2 | Phòng X-Quang | | | |
| 3 | Phòng chờ CT | | | |
| 4 | Phòng nội soi tiêu hóa | | | |
| 5 | Phòng nội soi gây mê | | | |
| 6 | Khu siêu âm | | | |
| 7 | Khu phòng khám nhi | | | |
| 8 | Phòng khám sản 8,9,10 | | | |
| 9 | Phòng tiền sản | | | |
| 10 | Phòng xét nghiệm sản | | | |
| 11 | Khu xét nghiệm đa khoa (Khu lấy mẫu, khu hành chính) | | | |
| 12 | Đơn vị Khám sức khỏe | | | |
| 13 | Phòng Tiêm thuốc (Khoa Tai Mũi Họng) | | | |
| 14 | Phòng Thủ thuật (Khoa Tai Mũi Họng) | | | |

| Stt | Khu vực làm sạch | Vệ sinh thường quy | Vệ sinh tổng thể | Yêu cầu chất lượng làm sạch |
|-----|--|---|------------------|-----------------------------|
| 15 | Phòng Điều dưỡng (Khoa Tai Mũi Họng) | khi bệnh viện yêu cầu) - Lau mặt ngoài tủ, kệ (1 lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu) - Lau các công tắc điện kệ (1lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu) - Lau kính vách ngăn các phòng, và hành lang (1lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu) - Vệ sinh lavabo trong phòng khám và phòng bệnh (2 lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu) | | |
| 16 | Phòng Bác sĩ | | | |
| 17 | Phòng bệnh số 1 (Khoa Tai Mũi Họng) | | | |
| 18 | Phòng bệnh số 2 (Khoa Tai Mũi Họng) | | | |
| 19 | Phòng bệnh số 3 (Khoa Tai Mũi Họng) | | | |
| 20 | Phòng bệnh số 4 (Khoa Tai Mũi Họng) | | | |
| 21 | Phòng bệnh số 5 (Khoa Tai Mũi Họng) | | | |
| 22 | Phòng bệnh số 6 (Khoa Tai Mũi Họng) | | | |
| 23 | Phòng Thủ thuật (Khoa Ngoại Tổng hợp) | | | |
| 24 | Phòng nhân viên (Khoa Ngoại Tổng hợp) | | | |
| 25 | Phòng Tiêm thuốc (Khoa Ngoại Tổng hợp) | | | |
| 26 | Phòng bệnh số 1 (Khoa Ngoại Tổng hợp) | | | |
| 27 | Phòng bệnh số 2 (Khoa Ngoại Tổng hợp) | | | |
| 28 | Phòng bệnh số 3 (Khoa Ngoại Tổng hợp) | | | |

| Stt | Khu vực làm sạch | Vệ sinh thường quy | Vệ sinh tổng thể | Yêu cầu chất lượng làm sạch |
|-----------|---------------------------|--|---|--|
| 29 | Phòng Thẩm Mỹ Chăm Sóc Da | | | |
| 30 | Phòng Thính Lực | | | |
| 31 | Phòng Điện Cơ | | | |
| 32 | Phòng Đo Mắt | | | |
| 33 | Phòng Khám Quốc tế 1 | | | |
| 34 | Phòng Khám Quốc tế 2 | | | |
| 35 | Phòng Khám Da Liễu | | | |
| 36 | Phòng Bệnh số 7 | | | |
| 37 | Phòng Bệnh số 8 | | | |
| 38 | Phòng Bệnh số 9 | | | |
| 39 | Phòng Bệnh số 10 | | | |
| 40 | Phòng giải phẫu bệnh | | | |
| II | Khu Phòng mổ | | | |
| 41 | Phòng Hồi tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> - Làm sạch sàn, vách tường, cửa chính, cửa sổ với hóa chất sát khuẩn (khi có ca mổ và khi bệnh viện yêu cầu); - Vệ sinh nhà vệ sinh (4 lần/ ngày và khi bệnh viện yêu cầu) - Vệ sinh máng đèn, quạt, bàn làm việc; - Vệ sinh ngay lập tức khi có tràn, vương vãi, bắn, dịch máu, dịch cơ thể hoặc theo yêu cầu. | <ul style="list-style-type: none"> - Lau máng đèn (1lần/tuần và khi bệnh viện yêu cầu) - Lau đồng hồ treo tường (1lần/tuần và khi bệnh viện yêu cầu) - Quét mạng nhện (1lần/tuần và khi bệnh viện yêu cầu) - Tổng vệ sinh cửa ra vào (1lần/tuần) - Lau cửa sổ mặt trong và ngoài kể cả khung (1lần/tuần và khi bệnh viện yêu cầu) - Tẩy các vết dơ trên tường (1lần/tuần và khi | <ul style="list-style-type: none"> - Máng đèn, quạt, bàn làm việc không bám bụi, không vết dơ, không ẩm ướt; - Nhà vệ sinh luôn kho ráo, sạch sẽ, không có mùi, - Lavabo, gương, thiết bị luôn khô ráo, không có cáu bẩn bám; - Thùng /sọt rác: không dính máu, dịch tiết, |

| Stt | Khu vực làm sạch | Vệ sinh thường quy | Vệ sinh tổng thể | Yêu cầu chất lượng làm sạch |
|-----|--------------------|---|--|---|
| | | | bệnh viện yêu cầu) - Làm sạch sàn bằng máy chà sàn (1lần/tháng | |
| 42 | Phòng Mổ 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Làm sạch sàn, vách tường, cửa chính, cửa sổ với hóa chất sát khuẩn (Sau khi có ca mổ và khi bệnh viện yêu cầu); - Vệ sinh máng đèn chiếu sáng, đèn mổ; đồng hồ treo tường...; - Phối hợp nhân viên kiểm soát nhiễm khuẩn khi có phun sương khử khuẩn; - Vệ sinh ngay lập tức khi có tràn, vương vãi, bắn, dịch máu, dịch cơ thể hoặc theo yêu cầu. | <ul style="list-style-type: none"> - Lau máng đèn (1lần/tháng và khi bệnh viện yêu cầu) - Lau đồng hồ treo tường (1lần/tuần và khi bệnh viện yêu cầu) - Quét mạng nhện (1lần/tháng và khi bệnh viện yêu cầu) - Tổng vệ sinh cửa ra vào (1lần/tuần) - Tẩy các vết dơ trên tường (1lần/tuần và khi bệnh viện yêu cầu) - Làm sạch sàn bằng máy chà sàn (1lần/tháng) | <ul style="list-style-type: none"> -Sàn, vách tường, cửa chính, cửa sổ, nhà vệ sinh không còn vết ố bẩn, vết máu, mùi hôi, hóa chất sát khuẩn sử dụng đúng, phù hợp; - Sàn tường sau vệ sinh khô ráo - Đèn chiếu sáng, đèn mổ, đồng hồ không bám bụi bẩn; -Thùng /sọt rác: không dính máu, dịch tiết, |
| 43 | Phòng Mổ 2 | | | |
| 44 | Phòng Mổ 3 | | | |
| 45 | Phòng Mổ 4 | | | |
| 46 | Phòng Mổ 5 | | | |
| 47 | Hành lang phòng mổ | <ul style="list-style-type: none"> -Làm sạch sàn, vách tường, cửa chính, cửa sổ với hóa chất sát khuẩn (4 lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu - Làm sạch bồn rửa tay phẫu thuật (4 lần / ngày và khi bệnh viện yêu cầu) -Thu gom rác thải thông thường đến vị trí tập kết (2 lần / ngày và khi bệnh viện yêu cầu); | <ul style="list-style-type: none"> - Lau máng đèn (1lần/tuần và khi bệnh viện yêu cầu) - Lau đồng hồ treo tường (1lần/tuần và khi bệnh viện yêu cầu) - Quét mạng nhện (1lần/tuần và khi bệnh viện yêu cầu) - Tổng vệ sinh cửa ra vào (1lần/tuần) - Lau cửa sổ mặt trong và ngoài kể cả khung | <ul style="list-style-type: none"> - Sàn sạch sẽ, không vết ố bẩn, vết máu, không có nước đọng; - Cửa sổ, cửa chính, bàn làm việc không có bụi bẩn, không có mạng nhện bám, quạt hút, quạt gió sạch sẽ, khu vực thay đồ gọn gàng sạch sẽ -Bồn rửa tay phẫu thuật bề mặt sáng bóng, inox không có vết ố vàng |

| Stt | Khu vực làm sạch | Vệ sinh thường quy | Vệ sinh tổng thể | Yêu cầu chất lượng làm sạch |
|-----|-------------------------|---|---|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh phòng thay đồ, thu gom đồ vải đến nơi tập kết | <ul style="list-style-type: none"> (1lần/tuần và khi bệnh viện yêu cầu) - Tẩy các vết dơ trên tường (1lần/tuần và khi bệnh viện yêu cầu) - Làm sạch sàn bằng máy chà sàn (1lần/tháng) | <ul style="list-style-type: none"> - Không có rác, bụi bẩn trên hành lang lối đi |
| 48 | Kho phòng mổ (Kho sạch) | <ul style="list-style-type: none"> -Làm sạch sàn, vách tường, cửa, kệ chứa vật tư, đèn, quạt | <ul style="list-style-type: none"> -Làm sạch sàn, vách tường, cửa, kệ chứa vật tư, đèn, quạt (1 lần/ tháng và khi bệnh viện yêu cầu) | <ul style="list-style-type: none"> Bề mặt sáng, sạch sẽ, không bám bụi bẩn, |
| 49 | Phòng Bác sĩ trực | <ul style="list-style-type: none"> Vệ sinh sàn, tường, vách, cửa, đèn, quạt, tủ chứa đồ dụng cụ cá nhân, bàn làm việc... -Thu gom rác định kỳ và khi bệnh viện yêu cầu | <ul style="list-style-type: none"> - Lau máng đèn (1lần/tháng và khi bệnh viện yêu cầu) - Lau đồng hồ treo tường (1lần/tháng và khi bệnh viện yêu cầu) - Quét mạng nhện (1lần/tháng và khi bệnh viện yêu cầu) - Tổng vệ sinh cửa ra vào, sàn, vách tường (1lần/tháng) | <ul style="list-style-type: none"> -Sàn, vách tường, cửa chính, cửa sổ, nhà vệ sinh không còn vết ố bẩn, - Phòng không có mùi hôi, vách tường không có bụi bẩn mạng nhện... |
| 50 | Khu Thanh trùng | <ul style="list-style-type: none"> -Vệ sinh sàn, vách tường (2 lần/ ngày) -Vệ sinh đèn, quạt hút, quạt treo tường (1 tuần/ lần) - Vệ sinh bàn ghế, tủ kệ 2 lần/ ngày | <ul style="list-style-type: none"> - Lau máng đèn (1lần/tháng và khi bệnh viện yêu cầu) - Lau quạt treo tường, quạt hút (1lần/tháng và khi bệnh viện yêu cầu) - Quét mạng nhện (1lần/tháng và khi bệnh viện yêu cầu) - Lau cửa sổ mặt trong và ngoài kể | <ul style="list-style-type: none"> -Sàn, vách tường, cửa chính, cửa sổ, không còn vết ố bẩn, Phòng không có mùi hôi, vách tường không có bụi bẩn mạng nhện... - Bàn làm việc, kệ tủ không có bụi, mạng nhện bám |

| Stt | Khu vực làm sạch | Vệ sinh thường quy | Vệ sinh tổng thể | Yêu cầu chất lượng làm sạch |
|------------|--------------------------------|---|---|---|
| | | | cả khung (1lần/tháng và khi bệnh viện yêu cầu) - Tổng vệ sinh cửa ra vào, sàn, vách tường (1lần/tháng) | |
| III | Bề mặt nhà vệ sinh | | | |
| 41 | Nhà vệ sinh Phòng khám đa khoa | <ul style="list-style-type: none"> - Làm sạch bồn rửa mặt, gương (8 lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu) - Lau rửa bồn tiểu, bồn cầu, bồn vệ sinh, bộ dụng cụ vệ sinh (8 lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu) - Lau sàn, dọn sạch rác trong thùng rác, khử mùi (8 lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu) - Thường xuyên kiểm tra và giữ sàn nhà vệ sinh sạch, sáng luôn sạch và khô, rửa bồn cầu, bồn tiểu, bồn rửa mặt. Đảm bảo sạch, không mùi 24/24. - Tổng vệ sinh nhà vệ sinh vào cuối ngày (1 lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu) - Lau cửa, vách ngăn, tường, lau máng đèn, quạt thông gió (1 | | <ul style="list-style-type: none"> - Bồn rửa mặt, gương, bồn tiểu, bồn vệ sinh, cửa, vách ngăn, tường không có bụi, vết bẩn. - Máng đèn, quạt thông gió không có bụi. - Sàn không rác, bẩn và đọng nước - Không có mùi hôi. - Gọn gàng, ngăn nắp |
| 42 | Nhà vệ sinh Khoa Phụ sản | | | |
| 43 | Nhà vệ sinh tầng 2 | | | |
| 44 | Nhà vệ sinh tầng 3 | | | |
| 45 | Nhà vệ sinh Khu xét nghiệm | | | |
| 46 | Nhà vệ sinh Khu Hội thảo 1, 2 | | | |

| Stt | Khu vực làm sạch | Vệ sinh thường quy | Vệ sinh tổng thể | Yêu cầu chất lượng làm sạch |
|--|--|---|---|---|
| | | lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu) - Lau cửa sổ mặt trong và ngoài kể cả khung (1 lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu) | | |
| IV Bề mặt sảnh chờ, khu tiếp nhận | | | | |
| 47 | Quầy bảo hiểm | - Quét và lau sàn với hóa chất làm sạch (4 lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu) - Thu gom rác (4lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu) - Thường xuyên kiểm tra và đẩy bụi ở khu vực này (4 lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu) | - Làm sạch sàn bằng máy chà sàn với hóa chất làm sạch (1 lần/tháng) | - Sàn không rác, bẩn và đọng nước -Không có mùi hôi. - Gọn gàng, ngăn nắp |
| 48 | Quầy tiếp nhận Khu phòng khám đa khoa | | | |
| 49 | Quầy nhận bệnh Khoa Phụ sản | | | |
| 50 | Sảnh chờ khu tiếp nhận Phòng khám đa khoa | | | |
| 51 | Sảnh chờ khu Phòng khám Nhi và Khu Siêu âm | | | |
| 52 | Phòng nhận bệnh Khoa Tai Mũi Họng | | | |
| 53 | Phòng nhận bệnh Khoa Ngoại tổng hợp | | | |
| V Bề mặt hành lang | | | | |
| 54 | Hành lang Khoa Ngoại tổng hợp | - Quét và lau sàn với hóa chất làm sạch sàn (2 lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu) - Thu gom rác (2 lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu) - Thường xuyên kiểm tra và đẩy bụi ở khu vực này (2 | - Làm sạch sàn bằng máy chà sàn với hóa chất làm sạch (1 lần/tháng) | - Sàn không rác, bẩn và đọng nước -Không có mùi hôi. |

| Stt | Khu vực làm sạch | Vệ sinh thường quy | Vệ sinh tổng thể | Yêu cầu chất lượng làm sạch |
|------------|--------------------------------------|--|--|---|
| | | lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu) | | |
| 55 | Hành lang tầng 3 | | | |
| 56 | Hành lang phòng khám sản 8,9,10 | | | |
| VI | Bề mặt kho chứa chất thải rắn | | | |
| 57 | Các kho chứa chất thải rắn | <ul style="list-style-type: none"> - Quét và lau sàn (2 lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu) - Thu gom rác (2 lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu) - Lau cửa ra vào, lau các vết bẩn trên cửa kính (2 lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu) - Lau mặt ngoài tủ, kệ (1 lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu) - Lau các công tắc điện (1 lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu) - Tổng vệ sinh cửa ra vào (1 lần/tuần) - Lau cửa sổ mặt trong và ngoài kể cả khung (1 lần/tuần và khi bệnh viện yêu cầu) - Tẩy các vết dơ trên tường (1 lần/tuần và khi bệnh viện yêu cầu) | <ul style="list-style-type: none"> - Lau máng đèn (1 lần/tháng và khi bệnh viện yêu cầu) - Quét máng nhện (1 lần/tháng và khi bệnh viện yêu cầu) | <ul style="list-style-type: none"> - Cửa, công tắc, tủ kệ, tường không có bụi và vết bẩn. - Sàn không có rác và không đọng nước. - Không có mùi hôi. - Gọn gàng, ngăn nắp |
| VII | Khuôn viên, công bệnh viện | | | |
| 58 | Khuôn viên, bãi giữ xe | - Quét rác và lá cây rụng khuôn viên, bãi | - Tẩy rêu bám xung quanh hè rãnh, bậc | - Sân không có rác và rêu bám |

| Stt | Khu vực làm sạch | Vệ sinh thường quy | Vệ sinh tổng thể | Yêu cầu chất lượng làm sạch |
|---------------------------------|--------------------------------|--|---|--|
| 59 | Mặt tiền cổng Lý Thường Kiệt | xe (1 lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu) | tam cấp (1 lần/tháng và khi bệnh viện yêu cầu) | - Bạc tam cấp không rác, bẩn |
| 60 | Mặt tiền cổng Nguyễn Chí Thanh | - Quét rác và lá cây rụng xung quanh bệnh viện và mặt đường xung quanh (2 lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu) - Thu gom và vận chuyển rác đến nơi quy định - Quét, lau sạch các bậc tam cấp (2 lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu) | | |
| 61 | Khuôn viên cổng Lý Thường Kiệt | - Quét vỉa hè, hành lang cổng (2 lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu) - Duy trì các lối đi luôn khô, sạch, không đọng nước - Xử lý ngay khi có tràn đổ máu/dịch cơ thể. | | |
| IX. Khu vực cầu thang bộ | | | | |
| 62 | Khu vực cầu thang bộ | - Quét sạch bụi, lau bậc cầu thang (cả 2 mặt). - Tẩy các vết dơ trên sàn. - Lau tay vịn cầu thang. - Kiểm tra và giữ sạch bụi và rác cầu thang suốt ngày. - Xử lý ngay khi có tràn đổ máu/dịch cơ thể. | - Tổng vệ sinh khu cầu thang, và làm sạch bằng hóa chất - Lau bụi các biển báo thoát hiểm. | - Khu vực cầu thang không rác, bẩn và đọng nước, không có mùi hôi. |
| X | Khu vực Hành chính | | | |

| Stt | Khu vực làm sạch | Vệ sinh thường quy | Vệ sinh tổng thể | Yêu cầu chất lượng làm sạch |
|-----|--|--|---|--|
| 63 | Trung tâm Y sinh học phân tử | - Quét và lau sàn với hóa chất làm sạch | | |
| 64 | Phòng Hành chính Đơn vị Chấn thương Chính hình | sàn (2 lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu) - Thu gom rác (2 lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu) | - Làm sạch sàn bằng máy chà sàn với hóa chất làm sạch (1 lần/tháng) | - Sàn không rác, bẩn và đọng nước - Không có mùi hôi. |
| 65 | Phòng Hội thảo 1, 2 | - Thường xuyên kiểm tra và đẩy bụi ở khu vực này (2 lần/ngày và khi bệnh viện yêu cầu) | | |
| 66 | Phòng Công nghệ thông tin | | | |
| 67 | Khu Hành chính tầng 4 | | | |

3.5. Các yêu cầu khác

- Thu gom rác từ các thùng rác đến vị trí quy định tại mỗi tầng theo tần suất quy định và khi bệnh viện yêu cầu. Vận chuyển từ vị trí tại mỗi tầng đó đến nhà rác theo đúng nhóm rác quy định. Vệ sinh thùng rác hằng ngày.
- Vận chuyển rác ra kho chứa theo khung giờ cố định (phối hợp cùng Bệnh viện bố trí khung giờ cho từng khu vực), không làm ảnh hưởng tới bệnh nhân và khám chữa bệnh.
- Duy trì sạch bóng các bề mặt bằng kim loại của các thiết bị, dụng cụ công cộng như thang máy, nẹp cửa, tay vịn, ...)
- Đảm bảo không để nước bị đọng thành vũng trong khuôn viên Bệnh viện.
- Dọn dẹp thu xếp các thùng carton (sắp xếp lại ngay ngắn), chất thải tái chế liên tục trong giờ làm việc tại các kho dược, kho hóa chất, nhà thuốc của Bệnh viện.
- Sẵn sàng phục vụ các chương trình hoạt động hội nghị, hội thảo, khám từ thiện được tổ chức tại Bệnh viện (kể cả chủ nhật nếu có), bố trí tối thiểu 2 người.
- Sẵn sàng tối thiểu 1 nhóm 04 người và tự trang bị đầy đủ dụng cụ làm sạch, phương tiện phòng hộ cá nhân (do Bệnh viện cung cấp) để thực hiện vệ sinh phòng chống dịch đột xuất 24/24: Trường hợp xuất hiện các bệnh truyền nhiễm, trường hợp bệnh tử vong hay các trường hợp đột xuất khác.
- Không tổ chức công việc giặt, phơi, sấy các loại giẻ, móp, khăn lau, ... trong khuôn viên Bệnh viện.
- Vệ sinh các cửa ra vào, cửa sổ tại các phòng khám, phòng bệnh.

3.6. Nhà thầu cam kết

- Thực hiện theo quy trình được Bệnh viện thẩm định và bổ sung trong trường hợp quy trình làm sạch của nhà thầu chưa phù hợp với đặc thù của Bệnh viện.
- Đạt tiêu chuẩn làm sạch bằng phương pháp quan sát hiệu suất thực hiện: đánh giá mức độ hiệu quả của nhân viên vệ sinh và sự tuân thủ quy trình (nhằm đánh giá kỹ

thuật lau và nguyên tắc kiểm soát nhiễm khuẩn đặc biệt trong khu vực chăm sóc đặc biệt và khu cách ly (nếu có).

- Đạt tiêu chuẩn theo phương pháp đánh giá trực quan về mức độ sạch: sau khi vệ sinh một khu vực, nhân viên giám sát kiểm tra mức độ sạch sẽ của các vật dụng (VD: Giám sát đeo găng tay lau bề mặt để kiểm tra bụi)
- Nhà thầu đảm bảo chi tiết công việc làm sạch, bao gồm:
 - Khối lượng công việc làm sạch tại các khu vực làm sạch nhà thầu chịu trách nhiệm thực hiện;
 - Trục các ngày lễ, Tết đối với các các khu vực quy định;
 - Sẵn sàng cung cấp các số liệu liên quan đến công tác quản lý chất thải y tế khi có yêu cầu của Bệnh viện;
 - Đảm bảo công việc cụ thể theo từng khu vực theo danh mục mời thầu;
 - Đảm bảo công việc cụ thể mang tính tập trung toàn viện;
 - Đảm bảo vệ sinh ngày, vệ sinh nhanh khi có yêu cầu.
 - Cam kết thực hiện đầy đủ yêu cầu kỹ thuật và phạm vi cung cấp dịch vụ theo chương V trong E-HSMT
 - Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về bảo hiểm, an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy trong quá trình làm việc tại Bệnh viện
 - Nhà thầu cam kết chấp hành các điều khoản phạt khi không đảm bảo các tiêu chí về chất lượng dịch vụ (chi tiết theo phụ lục hợp đồng):
 - Kỹ thuật làm sạch tại Bệnh viện
 - Chất lượng làm sạch tại Bệnh viện
 - Khối lượng làm sạch tại Bệnh viện (về chi tiết công việc làm sạch và các cấp độ duy trì)
 - Cơ sở vật chất
 - An toàn người bệnh, người thân, nhân viên của Bệnh viện.
 - Tuyệt đối chấp hành nghiêm tất cả các yêu cầu về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, hướng dẫn của nhân viên bệnh viện trong quá trình làm việc tại Bệnh viện.
- Áp dụng theo quy trình làm sạch số 74/QTr-BVĐHYD của Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM về vệ sinh phòng, đồ nội thất.
- Áp dụng theo quy trình vệ sinh bề mặt môi trường phòng/khu phẫu thuật số 57/QTr-BVĐHYD ngày 06/12/2016. Phù hợp với thời gian phun sương khử khuẩn của nhân viên đơn vị Kiểm soát nhiễm khuẩn.

4. Yêu cầu về máy móc, thiết bị, dụng cụ và phương tiện làm sạch

Các trang thiết bị, máy móc, trang bị phòng hộ các nhân, vật tư tiêu hao, hóa chất và túi đựng chất thải khi công ty cung cấp cho công việc làm sạch tại Bệnh viện phải được nghiệm thu, ký nhận giữa Công ty và nhân viên giám sát tại Bệnh viện.

4.1. Máy móc, thiết bị

Nhà thầu phải đảm bảo cung cấp đầy đủ các trang thiết bị sau đây:

Bảng 4.1.1. Danh mục máy móc, thiết bị

| Stt | Máy móc, thiết bị | Đơn vị tính | Số lượng | |
|-----|-------------------------|-------------|--------------------|-------------------|
| | | | Số lượng tối thiểu | Số lượng dự phòng |
| 1 | Máy hút bụi | Cái | 01 | 01 |
| 2 | Máy đánh sàn đơn | Cái | 01 | 01 |
| 3 | Máy hút nước | Cái | 01 | 01 |
| 4 | Quạt thổi sàn | Cái | 02 | 01 |
| 5 | Máy khuếch tán tinh dầu | Cái | 06 | 02 |

Mỗi thiết bị, máy móc (trừ đầu lau/gạt kính, thang nhôm, cuộn dây điện) phải có:

- Thẩm mỹ: thiết bị máy móc phải mới, đẹp, sơn không bong tróc, nhựa không lão hóa, màu không bị phai;
- Các thiết bị phải được làm sạch sau mỗi cuối ngày làm việc;
- Máy móc, thiết bị phải được kiểm tra, bảo trì trước khi sử dụng;
- Máy móc, thiết bị luôn được trang bị sẵn tại Bệnh viện.

4.2. Dụng cụ, phương tiện làm sạch

4.2.1. Dụng cụ làm sạch

Nhà thầu cung cấp đầy đủ dụng cụ làm sạch theo bảng 4.2.1.1 như sau:

Bảng 4.2.1.1. Danh mục dụng cụ làm sạch

| Stt | Thiết bị | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|----------------------------|-------------|---|
| 1 | Cây gạt sàn cong | Cây | Theo nhu cầu thực tế và phải đáp ứng yêu cầu làm sạch tại Bệnh viện. Nhà thầu cung cấp khối lượng chi tiết cho từng khu vực |
| 2 | Dao cạo sàn | Hộp | |
| 3 | Cây lau âm | Cây | |
| 4 | Xe đẩy đa năng làm vệ sinh | Chiếc | |
| 5 | Bông lau kính | Cái | |
| 6 | Tay gạt kính | Cái | |
| 7 | Cây nối dài 3,5m | Cây | |
| 8 | Xô | Cái | |
| 9 | Biển báo sàn ướt | Cái | |
| 10 | Thang nhôm | Cái | |
| 11 | Cây đẩy bụi | Cây | |

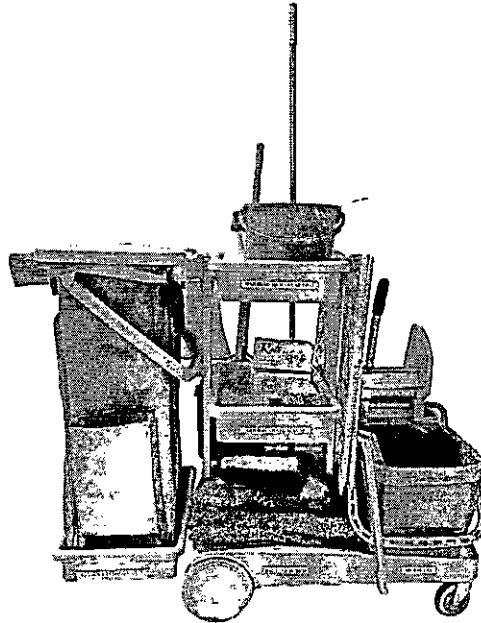
4.2.2. Phương tiện làm sạch

4.2.2.1. Cung cấp xe làm sạch

Xe làm sạch đảm bảo các yêu cầu như sau:

- Tầng 1: Để các hóa chất làm sạch, các dụng cụ làm sạch túi rác, mô tả công việc và các quy trình làm vệ sinh
- Tầng 2: Khăn sạch và mốp sạch
- Tầng 3: Khăn và mốp đã sử dụng

- Xô và bàn kẹp móp
- Túi vải chống thấm đựng chất thải sinh hoạt xe tiêm và chất thải tái chế khi phát sinh đột xuất.
- Chi tiết các bộ phận và bố trí xe tương tự như hình bên dưới (hoặc tương đương)



Hình minh họa: Xe làm sạch

- Số lượng xe làm sạch: tối thiểu 03 chiếc.

4.2.2.2. Cung cấp xe thu gom rác

Xe thu gom rác phải đảm bảo các yêu cầu như sau:

- Có 2 ngăn phân biệt 2 loại chất thải lây nhiễm và chất thải thông thường bằng túi vải chống thấm hoặc inox có nắp đậy, có bánh xe. Màu sắc xe thu gom theo từng loại chất thải tại Bệnh viện.
 - + Thiết kế dễ dàng lấy rác
 - + Dễ dàng được làm sạch khô ráo sau mỗi lần vận chuyển rác
 - + Bánh xe không gây tiếng ồn khi di chuyển
 - + Xe vận chuyển rác được vệ sinh hằng ngày sau khi vận chuyển rác
 - + Chi tiết các bộ phận và bố trí xe tương tự như hình bên dưới (hoặc tương đương)



Hình minh họa: Xe thu gom rác

- Số lượng xe thu gom rác: tối thiểu 03 chiếc.

5. Yêu cầu về đồ phòng hộ lao động, vật dụng thay thế và tiêu hao thường xuyên

5.1. Đồ phòng hộ lao động

Bảng 5.1.1. Trang bị đồ phòng hộ lao động

| Stt | Tên Sản Phẩm | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|---|-------------|---|
| 1 | Đồng Phục bao gồm: Quần, áo, nón, giày, băng tên, ... | Bộ | Theo nhu cầu thực tế và phải đáp ứng yêu cầu làm sạch tại Bệnh viện, nhà thầu cung cấp bảng kê chi tiết cho mỗi vị trí làm việc theo tuần, theo tháng |
| 2 | Khẩu trang | Cái | |
| 3 | Găng tay cao su | Cái | |
| 4 | Găng tay y tế | Cái | |
| 5 | Giày bít mũi/ủng cao su | Đôi | |
| 6 | Mắt kính | Cái | |

Nhà thầu cung cấp số lượng đồ phòng hộ lao động cá nhân cho mỗi nhân viên làm sạch tại Bệnh viện theo tiêu chí sau:

- Đồng phục, đồ bảo hộ, kính bảo hộ, giày/ủng: riêng cho mỗi nhân viên;
- Găng tay cao su (có thể tái sử dụng): ít nhất 01 đôi găng/người (dài tới khuỷu tay, sử dụng nhiều lần)
- Găng tay y tế (không tái sử dụng): dành riêng khi làm sạch giường, thu gom chất thải rắn
- Khẩu trang y tế: ít nhất 01 khẩu trang/04 giờ làm việc
- Giày bít mũi/ủng cao su (chống thấm, cao ngang gối)

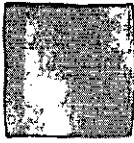






5.2. Vật dụng thay thế và tiêu hao thường xuyên

5.2.1: Vật dụng thay thế và tiêu hao thường xuyên

| Stt | Tên sản phẩm | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--|-------------|---|
| 1 | Bàn chải chà bồn cầu/ chà sàn/ bình xịt hóa chất | Cái | Theo nhu cầu thực tế và phải đáp ứng yêu cầu làm sạch tại Bệnh viện, nhà thầu cung cấp bảng kê chi tiết khối lượng cho từng khu vực |
| 2 | Khăn lau: phân loại theo màu (chi tiết theo Bảng số 5.2.2. Mã hóa màu phương tiện vệ sinh) | Cái | |
| 3 | Móp lau ẩm: phân loại theo màu (chi tiết theo Bảng số 5.2.2. Mã hóa màu phương tiện vệ sinh) | Cái | |
| 4 | Chổi quét và hút rác | Cái | |
| 5 | Phốt đánh sàn | Cái | |

- Móp và khăn lau được thu gom, và phân loại theo đúng quy định tại Bệnh viện

Bảng 5.2.2: Mã hóa màu phương tiện vệ sinh

| Phân loại nguy cơ | Phòng, khu vực | Khăn lau | Móp lau | Quy trình |
|----------------------------|--|---|---|---|
| Nguy cơ trung bình và thấp | Phòng hành chính; Phòng hội thảo; Kho lưu trữ thuốc, thiết bị, dụng cụ sạch; Hành lang ngoài khu vực phẫu thuật. | Màu xanh dương  | Màu xanh dương  | <i>Quy trình số 74/QTr-BVĐHYD quy trình vệ sinh phòng và nội thất</i> |
| Nguy cơ cao | Phòng phẫu thuật, thủ thuật; Khu rửa tay phẫu thuật; Phòng hồi tỉnh, tiền phẫu (phòng khám); Phòng chuẩn bị dụng cụ. | Màu xanh lá hoặc màu vàng  | Màu vàng  | |
| Nguy cơ rất cao | Phòng xử lý dụng cụ sau phẫu thuật; Nhà tắm, nhà vệ sinh; Khu xử lý chất thải lỏng, rác thải phát sinh từ cuộc phẫu thuật; | Màu trắng  | Màu đỏ hoặc trắng   | |

| | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | Hành lang vận chuyển chất thải sau phẫu thuật. | | | |
|--|--|--|--|--|

6. Yêu cầu về hóa chất, chế phẩm và túi chứa chất thải

6.1. Yêu cầu về hóa chất, chế phẩm

Bên mời thầu cung cấp hóa chất, chế phẩm theo bảng 6.1.1. hoặc tương đương:

Bảng 6.1.1. Danh mục hóa chất

| Stt | Công dụng | Vị trí vệ sinh | Hóa chất, chế phẩm (Nhà thầu đang sử dụng tại bệnh viện) | Số lượng |
|-----|--|---|---|---|
| 1 | Làm sạch sàn | Khu khám chữa bệnh | - Stride Floral DC - Future DC | Theo nhu cầu thực tế và phải đáp ứng yêu cầu làm sạch tại Bệnh viện, nhà thầu phải cung cấp bảng chi tiết khối lượng hóa chất cho từng khu vực theo tuần. |
| | | Phòng mổ, phòng hồi sức | - Surfanios Premium | |
| 2 | Khử khuẩn bề mặt, nội thất, lau giường | Phòng mổ, phòng hồi sức | - Presept | |
| | | Khu khám chữa bệnh, khu hành chính | - Stride Floral DC - Future DC | |
| 3 | Làm sạch bề mặt kính | Hóa chất lau kính | - Lix - Miraglo | |
| 4 | Làm sạch bề mặt trong nhà vệ sinh | Bề mặt các vật dụng, sàn, tường trong nhà vệ sinh | - OMO - Surf - Lix | |
| 5 | Khử mùi nhà vệ sinh | Nhà vệ sinh | - Deoair Floral - Sáp thơm: Glade - Tinh dầu sả chanh | |

Yêu cầu về hóa chất:

Hóa chất phải được cung cấp đầy đủ theo nhu cầu sử dụng (căn cứ theo bảng chi tiết khối lượng cho từng khu vực nhà thầu cung cấp).

Lượng hóa chất sử dụng phải được theo dõi bằng sổ ghi chép.

Hóa chất, chế phẩm sử dụng trong Bệnh viện thỏa điều kiện sau:

- Hóa chất khử khuẩn môi trường: Có tính khử khuẩn (Có các hoạt chất chứa Chlor và hợp chất chứa Chlor, Alcohol, hydrogen peroxide, hợp chất Amoni bậc 4-QAC, các dẫn chất của phenol) được Bộ Y tế cấp phép.
- Các hóa chất và chế phẩm diệt khuẩn: có trong danh mục chế phẩm diệt khuẩn bề mặt đã cấp giấy chứng nhận còn hiệu lực hoặc có giấy đăng ký lưu hành của Cục Quản lý môi trường y tế theo Thông tư 25/2011/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 23/6/2011 về danh mục hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong

lĩnh vực gia dụng và y tế được phép đăng ký để sử dụng, được phép đăng ký nhưng hạn chế sử dụng và cấm sử dụng tại Việt Nam.

- Các hóa chất làm sạch: không thuộc danh mục hoạt chất cấm sử dụng và hạn chế phạm vi sử dụng trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế theo Thông tư 11/2020/TT-BYT ngày 19/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục hoạt chất cấm sử dụng và hạn chế phạm vi sử dụng trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.
- Các hóa chất làm sạch và chế phẩm: Có khả năng làm sạch và tẩy rửa tốt các vết bẩn hữu cơ (dầu mỡ, protein) và vô cơ (vết bẩn, xà phòng).
- Hóa chất khử khuẩn phải có một phạm vi kháng khuẩn rộng, bao gồm cả những tác nhân gây bệnh thường gây nhiễm khuẩn bệnh viện và các ổ dịch và có khả năng diệt khuẩn mức độ từ thấp đến trung bình
- Trong vệ sinh môi trường bề mặt, hóa chất làm sạch không được chứa thành phần chứa cồn (alcohol) có chứa nồng độ từ 60-80%
- Các thành phần có clo/hypochlorite có nồng độ không được vượt quá 1000 ppm hay 0,1% vì có tính ăn mòn kim loại. Nếu sử dụng phải rửa hoặc lau sạch thiết bị bằng nước sau khi khử khuẩn.
- Tác dụng nhanh: có hoạt tính nhanh và thời gian tiếp xúc ngắn.
- Có thể pha loãng và đảm bảo sự ổn định nồng độ hóa chất sau pha loãng.
- Không bị phân hủy bởi tác động của các yếu tố môi trường.
- An toàn cho nhân viên, người bệnh, môi trường.
- Hiệu quả khử khuẩn kéo dài trên bề mặt môi trường, vật dụng.
- Dễ dàng sử dụng.
- Không mùi (hay có mùi dễ chịu nếu có).
- Xuất xứ rõ ràng và hướng dẫn sử dụng đầy đủ.
- Các thùng chứa hóa chất (nguyên liệu, thành phẩm) dán nhãn theo đúng quy chế nhãn thuốc.
- Phương tiện lưu trữ hóa chất: không bổ sung tiếp hóa chất vào bình đang sử dụng hay đã hết hóa chất. Cần súc rửa bình và để ráo sau mỗi lần sử dụng hết một lượt hóa chất và trước khi đổ lượt hóa chất mới vào.
- Nhà thầu phải đảm bảo hóa chất khử khuẩn được pha loãng đúng nồng độ quy định (theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất, Bộ Y tế về hóa chất đó).
- Nhà thầu có kế hoạch kiểm tra định kỳ hàng tháng và đột xuất công tác pha hóa chất theo quy định về nồng độ pha loãng và theo quy trình pha loãng. Cung cấp kết quả kiểm tra khi có yêu cầu của Bệnh viện.
- Thay dung dịch làm sạch/ khử khuẩn theo khuyến cáo của nhà sản xuất. Tăng tần suất thay dung dịch tại khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao; khi nhìn thấy đục, chất bẩn và ngay sau khi làm sạch máu/ dịch cơ thể tràn trên bề mặt.
- Có thiết bị hoặc công cụ pha loãng và phương án kiểm tra quy trình pha loãng đúng nồng độ của hóa chất, chế phẩm.

- Trong quá trình thực hiện dịch vụ nếu hóa chất, chế phẩm sử dụng gây mùi khó chịu, không đạt hiệu quả thì nhà thầu phải thay thế loại hóa chất, chế phẩm khác đáp ứng yêu cầu của bên mời thầu.





6.2. Yêu cầu về túi đựng chất thải

Bảng 6.2.1: Túi đựng chất thải

| STT | Tên sản phẩm | Số lượng |
|-----|---|--|
| 1 | Túi nylon chứa chất thải rắn màu xanh, vàng, đen và trắng | Theo nhu cầu thực tế và phải đáp ứng yêu cầu làm sạch tại Bệnh viện, nhà thầu phải cung cấp bảng chi tiết khối lượng hóa chất cho từng khu vực theo tuần |

Bảng 6.2.2: Chỉ tiêu kỹ thuật, đối tượng áp dụng và yêu cầu về túi đựng chất thải

| STT | Chỉ tiêu kỹ thuật | Đối tượng áp dụng | Yêu cầu |
|-----|-------------------|--|---|
| 1 | Thành phần | Áp dụng đối với túi màu vàng và màu đen | <ul style="list-style-type: none"> - Túi đựng chất thải phải có giấy chứng nhận thân thiện với môi trường (tự phân hủy sinh học) của Tổng Cục Môi trường – Bộ Tài nguyên và Môi trường - Túi không được dùng nhựa PVC, nhựa tái chế |
| | | Áp dụng đối với túi màu xanh và màu trắng | <ul style="list-style-type: none"> - Túi đựng chất thải phải có giấy chứng nhận thân thiện với môi trường (tự phân hủy sinh học) của Tổng Cục Môi trường – Bộ Tài nguyên và Môi trường - Túi không được làm bằng nhựa tái chế |
| 2 | Độ bền | Áp dụng đối với tất cả các loại túi | Đảm bảo độ bền, dẻo để không bị rách trong quá trình thu gom vận chuyển rác |
| 4 | Màu sắc | Để đựng chất thải lây nhiễm | Vàng |
| | | Để đựng chất thải sinh hoạt | Xanh dương |
| | | Để đựng chất thải hóa học nguy hại, chất thải gây độc tế bào, chất thải phóng xạ | Đen |
| | | Để đựng chất thải tái chế | Trắng |
| 5 | In ấn | Áp dụng chung cho tất cả các loại túi | Bên ngoài phải in vạch cảnh báo “KHÔNG ĐƯỢC ĐUNG QUÁ |

| STT | Chỉ tiêu kỹ thuật | Đối tượng áp dụng | Yêu cầu |
|-----|--------------------------|---|---|
| | | | MỨC NÀY” trên túi theo khoảng cách quy định từ đáy túi lên đến vạch in là 75% thể tích của túi. |
| | | Áp dụng cho túi đựng chất thải lây nhiễm |  CHẤT THẢI LÂY NHIỄM |
| | | Áp dụng cho túi đựng chất thải sinh hoạt thông thường |  CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG |
| | | Áp dụng cho túi đựng chất thải hóa học nguy hại, gây độc tế bào, chất thải phóng xạ |  CHẤT THẢI NGUY HẠI |
| | | Áp dụng cho túi đựng chất thải tái chế |  CHẤT THẢI TÁI CHẾ |
| 6 | Số lượng túi tối đa/1 kg | Đối với túi 30cm x 45cm | 70-80 cái |
| | | Đối với túi 55cm x 65cm | 55-65 cái |
| | | Đối với túi 95cm x 110cm | 16-18 cái |
| | | Đối với túi 120cm x 150cm | 5-7 cái |

Bảng 6.2.3: Tần suất thay thế túi đựng chất thải

| Stt | Loại thùng | Dung tích (lít) | Tần suất thay thế |
|-----|------------|-----------------|--|
| 1 | VÀNG | 45 | Tối thiểu 02 lần/ngày hoặc khi chất thải đựng vạch ¾ thùng |
| 2 | | 15-20 | Tối thiểu 02 lần/ngày hoặc khi chất thải đựng vạch ¾ thùng. |
| 3 | | 7-10 | Tối thiểu 02 lần/ngày hoặc khi chất thải đựng vạch ¾ thùng. |
| 4 | | 240 | Tối thiểu 02 lần/ngày hoặc ngay khi chất thải đựng vạch ¾ thùng. |
| 5 | XANH LÁ | 45 | Tối thiểu 02 lần/ngày hoặc khi chất thải đựng vạch ¾ thùng |
| 6 | | 15-20 | Tối thiểu 01 lần/ngày hoặc ngay khi chất thải đựng vạch ¾ thùng. |
| 7 | | 7-10 | Tối thiểu 01 lần/ngày hoặc ngay khi chất thải đựng vạch ¾ thùng. |
| 8 | | 240 | Tối thiểu 01 lần/ngày hoặc ngay khi chất thải đựng vạch ¾ thùng. |
| 9 | TRẮNG | 15-20 | Khi chất thải đựng vạch ¾ thùng. |
| 10 | | 7-10 | Khi chất thải đựng vạch ¾ thùng. |

| Stt | Loại thùng | Dung tích (lít) | Tần suất thay thế |
|-----|------------|-----------------|---|
| 11 | | 240 | Khi chất thải đựng vạch $\frac{3}{4}$ thùng. |
| 12 | ĐEN | 15-20 | Tối thiểu 02 lần/ngày đối với chất thải gây độc tế bào hoặc ngay khi chất thải đựng vạch $\frac{3}{4}$ thùng. |
| 13 | | 7-10 | Tối thiểu 02 lần/ngày hoặc ngay khi chất thải đựng vạch $\frac{3}{4}$ thùng. |
| 14 | | 240 | Tối thiểu 01 lần/ngày hoặc ngay khi chất thải đựng vạch $\frac{3}{4}$ thùng. |

Ghi chú: Màu sắc túi đựng chất thải có thể thay đổi phụ thuộc vào quy định của pháp luật và của Bệnh viện

7. Yêu cầu về nhân sự và thời gian làm việc

7.1. Yêu cầu về nhân sự

Nhà thầu đảm bảo bố trí đầy đủ số lượng nhân viên như sau tại bất kỳ thời điểm nào trong thời gian làm việc.

Bảng 7.1: Bố trí nhân sự

| STT | Khu vực làm sạch | Số lượng nhân viên (người) |
|-------------|---|----------------------------|
| 1 | Vị trí giám sát | 1 |
| 2 | Khu vực Xét nghiệm, nhà vệ sinh Khoa Xét nghiệm, nhà thuốc, khoa dược, sảnh lối đi chung | 1 |
| 3 | Khu Phòng khám đa khoa, nhà vệ sinh khu phòng khám đa khoa | 1 |
| 4 | Khu Khám sản, Khu sảnh chờ, khu nhận bệnh, xét nghiệm sản, nhà vệ sinh khu phòng khám sản | 1 |
| 5 | Khu nhận bệnh, Nhà thuốc, khu nội soi | 1 |
| 6 | Khoa Tai – Mũi – Họng, Khoa Ngoại tổng hợp | 2 |
| | Khu vực Phòng mổ - Khoa Gây mê hồi sức | 1 |
| 7 | Khu vực tầng 3 | 1 |
| 8 | Khu vực Hành chính tầng 4 | 1 |
| Tổng | | 10 |

Nhà thầu cần đảm bảo số lượng nhân sự dự kiến thực hiện gói thầu ít nhất 10 nhân sự (kể cả trưởng nhóm):

- Yêu cầu về Vị trí giám sát (trưởng nhóm):
 - o Có ít nhất 01 năm kinh nghiệm tại vị trí tương đương;
 - o Thực hiện công việc giám sát công việc làm sạch tại Bệnh viện;
 - o Đôn đốc công việc làm sạch tại Bệnh viện;

- Đánh giá chất lượng làm sạch theo định kỳ
 - Điều động nhân viên trực thuộc để hoàn thành công việc hàng ngày, định kỳ và phát sinh, ... theo bảng chi tiết có sẵn;
 - Kịp thời báo cáo sự cố, thay đổi nhân sự và các công việc liên quan đến bộ phận quản lý tại Bệnh viện
 - Thời gian có mặt tối thiểu đạt 50% thời gian làm việc trong ngày. Khi giám sát nhà thầu vắng mặt, Bệnh viện sẽ khấu trừ, hoặc phạt theo phụ lục hợp đồng.
- Bảng thống kê chi tiết nhân sự dự kiến bố trí và vị trí công việc;
 - Tỷ lệ nhân sự nam đạt ít nhất 01 nhân sự thực hiện các công việc trên cao (từ 2m trở lên)
 - Nhân sự phải biết đọc, viết
 - Có lý lịch rõ ràng, có sức khỏe tốt.
 - Được khám sức khỏe đầy đủ.
 - Thái độ làm việc nghiêm túc, chăm chỉ, trung thực, không có thói quen xấu.
 - Tác phong làm việc nhanh nhẹn, gọn gàng, lịch sự, mặc đồng phục không cũ, nhàu, có bảng tên.
 - Không quá tuổi lao động, làm việc thao tác phải nhanh nhẹn. Nếu nhân sự chậm chạp do lớn tuổi hoặc do bản tính thì nhà thầu phải thay đổi nhân sự khác sau khi bị bên mời thầu nhắc nhở lần 3.
 - Nhân viên phải được huấn luyện trước khi bố trí làm việc tại Bệnh viện. Cụ thể như sau: Phải được hướng dẫn cụ thể vị trí làm việc, các công việc cần thực hiện trong ca, trong ngày, trong tuần, có chế độ kiểm tra giám sát đối với khối lượng thực hiện.
 - Cam kết tất cả nhân sự (trong hồ sơ dự thầu) sẽ làm việc tại bệnh viện sau khi trúng thầu. Thái độ làm việc nghiêm túc, chăm chỉ, trung thực, không có thói quen xấu.
 - Đối với nhân sự làm việc trên cao phải có chứng chỉ huấn luyện an toàn làm việc trên cao, không gian hạn chế.
 - Nhân sự làm việc tự giác hoàn thành công việc được phân công, khi bị nhắc nhở quá 02 lần sẽ bị phạt theo hợp đồng
 - Khi người bệnh hỏi thăm phải trả lời lễ phép, không cáu gắt, không trả lời cộc lốc.
 - Đối với nhân viên thì thân thiện.
 - Ưu tiên cho người bệnh.
 - Không tự ý sử dụng các ổ điện, chỉ được sử dụng các ổ điện mà bệnh viện cho phép.
 - Không được sử dụng các chất thải của bệnh viện vào mục đích riêng.
 - Không hút thuốc, uống rượu bia trong bệnh viện.
 - Không trộm cắp tài sản của bệnh viện, người bệnh, thân nhân, nhân viên trong bệnh viện.
 - Tác phong gọn gàng, lịch sự, mặc đồng phục đúng quy định, có bảng tên để nhận biết.
 - Tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa đào tạo do bên mời thầu tổ chức khi trúng thầu (nếu có).
 - Bố trí nhân sự đạt yêu cầu theo hồ sơ mời thầu và bổ sung nhân sự theo yêu cầu của Bệnh viện.

- Bổ sung nhân sự kịp thời, đáp ứng việc làm sạch trong giờ cao điểm, trong những tình huống đột xuất. Nếu thay đổi hoặc bổ sung nhân sự làm sạch phải có giấy giới thiệu, giấy phân công vị trí việc làm, và những thông tin lý lịch của nhân viên cho Bệnh viện
- Phối hợp điều động nhân sự theo yêu cầu của Bệnh viện khi có bệnh truyền nhiễm hoặc phòng chống dịch bệnh.
- Nhắc nhở nhân viên của nhà thầu tuân thủ nội quy của Bệnh viện

7.2. Thời gian làm việc

- Tầng 1 và sân bãi xe:

- + Tầng 1: Làm sạch từ 06h00 – 17h00 từ thứ 2 đến thứ 6 và từ 06h00 – 12h00 vào thứ 7;
- + Sân bãi xe: Làm sạch từ 17h00 - 18h00 từ thứ 2 đến chủ nhật.
- + Mặt tiền cổng Lý thường Kiệt, Nguyễn Chí Thanh:
 - Lần 1: Làm sạch từ 6h00 - 7h00 từ thứ 2 đến chủ nhật;
 - Lần 2: Làm sạch từ 17h00 - 18h00 từ thứ 2 đến chủ nhật.

- Tầng 2:

- + Làm sạch từ Thứ 2 đến Chủ nhật, từ 06h00 – 17h00;
- + Khu vực phòng mổ: Làm sạch từ 06h00 – 17h00.

- Tầng 3: Làm sạch từ Thứ 2 đến Chủ nhật, từ 06h00 – 17h00;

- Tầng 4:

- + Làm sạch từ 06h00 – 17h00 từ thứ 2 đến thứ 6 và từ 06h00 – 12h00 vào thứ 7.
- + Nhân viên làm sạch phải thực hiện hoàn tất việc làm sạch tại các khu vực thuộc tầng 4, khu Hành chính trước 07 giờ 00 phút hàng ngày.
- Nhà thầu cam kết đảm bảo thời gian thực hiện công việc.

8. Bảo hiểm

Kể từ ngày cung cấp dịch vụ làm sạch cho đến khi kết thúc dịch vụ, nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, thiết bị, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của nhà thầu.

Bệnh viện không có trách nhiệm đối với bất kỳ sự cố nào xảy ra với con người và máy móc thiết bị của nhà thầu

9. An toàn lao động và các yêu cầu khác

- Người phụ trách công trình làm sạch của nhà thầu tại bệnh viện phải được hướng dẫn cách sử dụng cơ sở hạ tầng (thang máy, các hệ thống kỹ thuật của tòa nhà), công tác PCCC tại bệnh viện trước khi làm việc.
- Nhà thầu không để xảy ra tai nạn lao động đối với nhân viên của nhà thầu cũng như nhân viên y tế, người bệnh, người thân của bệnh viện. Trường hợp có xảy ra sự cố, nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và mọi chi phí khắc phục.

- Nhà thầu chịu hoàn toàn trách nhiệm về an toàn lao động (như làm sạch trên cao, làm sạch mặt ngoài các tòa nhà, an toàn khi sử dụng các thiết bị phục vụ cho việc làm sạch, ...).
- Nhà thầu phải tự trang bị các dụng cụ an toàn lao động khi thực hiện công việc tại Bệnh viện.
- Nhà thầu phải tự sắp xếp chỗ gửi xe và chi phí gửi xe cho nhân viên của nhà thầu.

10. Quy trình, quy định làm sạch

| STT | Nội dung | Ghi chú |
|-----|--|---|
| 1 | Hướng dẫn phòng và kiểm soát lây nhiễm SARS-COV-2 trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Theo Quyết định số 2355/QĐ-BYT ngày 20/08/2022 của Bộ Y tế |
| 2 | Hướng dẫn vệ sinh môi trường bề mặt trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Theo Quyết định số 3916/QĐ-BYT ngày 28/8/2017 của Bộ Y tế |
| 3 | <u>Quy định tổ chức công tác vệ sinh môi trường Bệnh viện</u> | Quy định số 09/Qđ-BVĐHYD ngày 30/09/2022 của Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM |
| 4 | <u>Quy trình vệ sinh bề mặt môi trường khu vực chăm sóc người bệnh tại khối lâm sàng (thường quy & tổng thể)</u> | Quy trình số 57/QTr-BVĐHYD ngày 30/09/2022 của Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM |
| 5 | <u>Quy trình vệ sinh khử khuẩn khi phát triển tràn/đổ máu và dịch cơ thể</u> | Quy trình số 59/QTr-BVĐHYD ngày 30/09/2022 của Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM |
| 6 | <u>Quy trình vệ sinh môi trường tại khu vực chăm sóc người bệnh tại khối lâm sàng (chuyển bệnh/xuất viện)</u> | Quy trình số 62/QTr-BVĐHYD ngày 30/09/2022 của Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM |
| 7 | Quy định đánh giá mức độ ô nhiễm vi sinh môi trường | Quy định 19/Qđ-BVĐHYD ngày 30/11/2020 của Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM |
| 8 | Quy định phương pháp đánh giá hiệu quả, chất lượng vệ sinh khử khuẩn môi trường bề mặt | Quy định 21/Qđ-BVĐHYD ngày 07/04/2021 của Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM |
| 9 | Quy trình vệ sinh phòng và đồ nội thất | Quy trình số 74/QTr-BVĐHYD ngày 28/12/2016 của Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM |
| 10 | Hướng dẫn phòng và kiểm soát lây nhiễm SARS-COV-2 trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh | Theo Quyết định số 2355/QĐ-BYT ngày 20/08/2022 của Bộ Y tế |
| 11 | Quy định Phân loại chất thải rắn y tế tại nguồn | Quy định số 14 /Qđ-BVĐHYD ngày 12/12/2017 của Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM |

| STT | Nội dung | Ghi chú |
|-----|--|---|
| 12 | Quy trình Thu gom chất thải rắn y tế | Quy trình số 21 /Qtr-BVĐHYD ngày 04/11/2017 của Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM |
| 13 | Quy trình Vận chuyển nội bộ chất thải rắn y tế | Quy trình số 22 /Qtr-BVĐHYD ngày 07/11/2017 của Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM |
| 14 | Bảng chi tiết công việc làm sạch Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM – Cơ sở 2 | Đính kèm |

11. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu

11.1. Kiểm tra, nghiệm thu

- Nhà thầu đảm bảo dịch vụ làm sạch đạt chất lượng, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại chương V, E-HSMT.

- Nhà thầu đảm bảo cung ứng đầy đủ các hóa chất, chế phẩm làm sạch; phương tiện dụng cụ làm sạch; túi đựng chất thải; phương tiện phòng hộ cá nhân, thiết bị máy móc theo đúng yêu cầu kỹ thuật (hay tương đương) qua các kỳ kiểm tra, đánh giá (hàng tháng hoặc khi có dịch/bệnh truyền nhiễm) của Bệnh viện.

- Trường hợp “Vệ sinh đáp ứng nhanh” đảm bảo về chất lượng và khối lượng toàn bộ nội dung công việc trong thời gian yêu cầu thực hiện đáp ứng nhanh, bệnh viện chi trả vào giá trị hợp đồng một khoản tiền tương ứng với giá trị hợp đồng tại khu vực đó (giá trị không phát sinh theo thực tế thực hiện so với hợp đồng đã ký).

- Ban Quản trị tòa nhà: Kiểm tra việc làm sạch bằng trực quan, nhắc nhở xử lý sự vụ, lập biên bản (nếu có); thống kê, theo dõi tần suất tổng thể; kiểm tra số lượng nhân sự, lập biên bản thiếu số lượng nhân sự (nếu có); nghiệm thu vật tư, vật dụng, hóa chất làm sạch theo đúng yêu cầu của Hợp đồng; làm việc trực tiếp với giám sát và quản lý về chất lượng làm sạch; điều phối nhà thầu khi có nhu cầu.

- Ban Quản trị tòa nhà, Nhà thầu thực hiện dịch vụ lấy ý kiến và chữ ký của các đơn vị sử dụng dịch vụ để làm cơ sở nghiệm thu và giảm trừ thanh toán (nếu có).

- Đơn vị Kiểm soát nhiễm khuẩn: Thực hiện việc đánh giá chất lượng làm sạch hàng tháng bằng phương pháp trực quan, kiểm tra quy trình làm sạch của nhà thầu theo các quy trình, quy định của Bệnh viện ban hành. Sau khi tổng hợp kết quả kiểm tra, Đơn vị Kiểm soát nhiễm khuẩn tổ chức họp đánh giá chất lượng dịch vụ có tham gia đại diện Ban Quản trị tòa nhà, Đơn vị Kiểm soát nhiễm khuẩn và Ban giám đốc của nhà thầu để thống nhất giá trị nghiệm thu, giá trị giảm trừ (nếu có), để làm cơ sở thanh toán cho nhà thầu.

- Các phòng, khoa, đơn vị sử dụng trực tiếp sẽ xác nhận nghiệm thu chất lượng dịch vụ do đơn vị mình phụ trách

- Bên mời thầu sẽ thanh toán cho nhà thầu theo diện tích và số ngày làm sạch thực tế thực hiện sau khi giảm trừ thanh toán và phạt vi phạm (nếu có) nhưng giá trị thanh toán không vượt quá giá trị hợp đồng đã ký.

- Đối với các công việc vệ sinh định kỳ 1 tuần/lần, 30 ngày/lần; 60 ngày/lần; 90 ngày/lần và 180 ngày/lần và tổng thể: Nhà thầu chụp hình báo cáo các công việc thực hiện vệ sinh để làm cơ sở nghiệm thu.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có khu vực nào trong Bảng 1.3.1 chuyển đổi công năng sử dụng và yêu cầu mức độ làm sạch cao hơn thì Bên mời thầu vẫn nghiệm thu theo đơn giá và số ngày của hợp đồng đã ký cho các khu vực chuyển đổi này. Nếu có chuyển đổi công năng và yêu cầu mức độ làm sạch thấp hơn yêu cầu của Hợp đồng thì Bên mời thầu sẽ nghiệm thu khu vực đó theo đơn giá của các khu vực làm sạch tương đương.

11.2. Giảm trừ thanh toán và phạt vi phạm

- Nhà thầu không đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng, công tác làm sạch không đạt theo yêu cầu của Hợp đồng, Bệnh viện sẽ giảm trừ 20% giá trị nghiệm thu tại thời điểm xác nhận thanh toán của khu vực đó.

- Nhà thầu chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi thường thiệt hại về hậu quả do nhân viên của nhà thầu gây ảnh hưởng đến tài sản, uy tín, danh tiếng của Bệnh viện.

- Đối với các vị trí bị giảm trừ thanh toán quá 02 (hai) lần liên tiếp hoặc những vị trí nhà thầu không thực hiện công việc làm sạch theo hợp đồng thì chủ đầu tư sẽ khấu trừ vào giá trị hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng 50% giá trị nghiệm thu của tầng/khoa chứa vị trí đó. Tổng giá trị phạt vi phạm đạt đến 8% giá trị hợp đồng thì chủ đầu tư sẽ xem xét việc chấm dứt hợp đồng theo quy định.

- Ngoài ra phạt vi phạm được áp dụng theo bảng sau:

Bảng 11.2.1. Mức phạt vi phạm

| Stt | Nội dung | Mức phạt | Hình thức xử lý bổ sung |
|-----|--|--|--|
| 1. | Không thực hiện đúng nội quy, quy định của Bệnh viện. | 500.000 VND/người/lần | Thay thế nhân viên khác nếu vi phạm lần thứ 2 |
| 2. | Vi phạm nguyên tắc kiểm soát nhiễm khuẩn khi thực hiện việc làm sạch | 500.000 VND/người/lần | |
| 3. | Làm hư hỏng cơ sở vật chất của Bệnh viện | Bồi thường giá trị tương ứng với giá trị vật chất tại thời điểm hư hỏng | |
| 4. | Làm ảnh hưởng đến bất kỳ người bệnh, người thân, nhân viên của Bệnh viện (ví dụ: nhân viên làm sạch của nhà thầu lau sàn nhà mà không để bảng cảnh báo sàn trơn, làm bệnh nhân té ngã) | Bồi thường toàn bộ các chi phí liên quan các tổn thất về sức khỏe, tinh thần, thu nhập,... của người bị nạn đó | Cho nhân viên vi phạm nghỉ việc ngay khi phát hiện và thay thế nhân viên mới |
| 5. | Thiếu 01 nhân sự so với số lượng đã được quy định trong hợp đồng. | 500.000 VND người/ngày | |
| 6. | Không đáp ứng tần suất vệ sinh | 500.000 VND/lần | Nhanh chóng đáp ứng yêu |

| Stt | Nội dung | Mức phạt | Hình thức xử lý bổ sung |
|-----|--|---|---|
| | tổng thể theo yêu cầu của hợp đồng do nguyên nhân chủ quan của nhà thầu | | câu, vệ sinh khu vực bị bỏ sót |
| 7. | Máy móc, dụng cụ, hóa chất, túi đựng chất thải...không đáp ứng đúng yêu cầu | 3.000.000 VND/lần | Nhanh chóng thay đổi loại đáp ứng yêu cầu |
| 8. | Có hành vi lấy chất thải y tế, nguy hại, tái chế như dây nhựa dịch truyền, pin, ắc quy, bóng đèn...để bán, sử dụng hoặc làm thất thoát ra bên ngoài gây ảnh hưởng đến Bệnh viện. | 20.000.000 VND/người/lần | - Cho nhân viên vi phạm nghỉ việc ngay khi phát hiện và thay thế nhân viên mới. - Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường căn cứ mức độ thiệt hại của sự việc |
| 9. | Thực hiện sai các quy trình làm sạch, phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải trong Bệnh viện và các quy trình khác nếu có | 1.000.000 VND/người/lần | - Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường căn cứ mức độ thiệt hại của sự việc - Cho nhân viên vi phạm nghỉ việc ngay khi phát hiện và thay thế nhân viên mới. |
| 10. | Không có giấy giới thiệu nhân viên mới của Nhà thầu. | 500.000 VND/người/lần | Cho nhân viên vi phạm nghỉ việc ngay khi phát hiện và thay thế nhân viên mới |
| 11. | Chèn cửa thoát hiểm cầu thang bộ | 500.000 VND/người/lần | |
| 12. | Hăm dọa nhân viên Bệnh viện dưới bất kỳ hình thức. | Nhà thầu có trách nhiệm chi trả cho những chi phí liên quan đến hành vi này cho nhân viên bệnh viện (nếu có). | Cho nhân viên vi phạm nghỉ việc ngay khi phát hiện và thay thế nhân viên mới |
| 13. | Lấy cắp tài sản trong khuôn viên của Bệnh viện. | Nhà thầu có trách nhiệm chi trả cho Bệnh viện căn cứ mức độ thiệt hại của sự việc. | Cho nhân viên vi phạm nghỉ việc ngay khi phát hiện và thay thế nhân viên mới |
| 14. | Đánh nhau với đồng nghiệp hay người khác ngoài lý do phòng vệ chính đáng. | Nhà thầu phải chịu mọi chi phí xử phạt của cơ quan chức năng (nếu có). | Cho nhân viên vi phạm nghỉ việc ngay khi phát hiện và thay thế nhân viên mới |
| 15. | Trực tiếp làm "cò" hoặc có biểu hiện thông đồng với "cò". | 500.000 VND/người/lần | Cho nhân viên vi phạm nghỉ việc ngay khi phát hiện và thay thế nhân viên mới |

| Stt | Nội dung | Mức phạt | Hình thức xử lý bổ sung |
|-----|--|---|---|
| 16. | Mang thuốc lá vào trong Bệnh viện | 500.000 VND/người/lần | Lập biên bản và thay thế nhân viên khác nếu vi phạm lần thứ 2 |
| 17. | Hút thuốc trong Bệnh viện | 1.000.000 VND/người/lần | <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hút thuốc trong hầm, các khu vực kho và các khu vực có nguy cơ cháy nổ: Lập biên bản và cho nhân viên vi phạm nghỉ việc ngay khi phát hiện - Trường hợp hút thuốc các vị trí khác trong Bệnh viện: Thay thế nhân viên khác nếu vi phạm lần thứ 2. |
| 18. | Sử dụng ma túy hay chất kích thích trong Bệnh viện. | Nhà thầu phải chịu mọi chi phí xử phạt của cơ quan chức năng (nếu có) | Cho nhân viên vi phạm nghỉ việc ngay khi phát hiện và thay thế nhân viên mới |
| 19. | Đánh bạc dưới mọi hình thức (chơi bài, cá độ,..) trong Bệnh viện. | Nhà thầu phải chịu mọi chi phí xử phạt của cơ quan chức năng (nếu có) | Cho nhân viên vi phạm nghỉ việc ngay khi phát hiện và thay thế nhân viên mới |
| 20. | Đùa giỡn với nhân viên khác hay khách trong giờ làm việc. | 200.000 VND/người/lần | Thay thế nhân viên khác nếu vi phạm lần thứ 2 |
| 21. | Tụ tập nói chuyện riêng trong ca trực. | 200.000 VND/người/lần | |
| 22. | Không mặc đủ, đúng đồng phục theo quy định của Nhà thầu (quần áo, băng tên, giày). | 500.000 VND/người/lần | |
| 23. | Tác phong không gọn gàng, quần áo cũ, nhàu. | 200.000 VND/người/lần | |
| 24. | Không trang bị đúng phương tiện bảo hộ lao động khi thực hiện công việc (khẩu trang, găng tay, giày, nón). | 500.000 VND Người/lần | |
| 25. | Ăn uống trong giờ làm việc, không đúng khu vực quy định. | 200.000 VND/người/lần | |
| 26. | Ngủ trong giờ làm việc | 200.000 VND/người/lần | |
| 27. | Tự ý thay thế vị trí làm sạch chưa được sự giới thiệu của Quản lý/Độc công. | 500.000 VND/người/lần | |

| Stt | Nội dung | Mức phạt | Hình thức xử lý bổ sung |
|-----|--|--------------------------|----------------------------|
| 28. | Râu, tóc để dài (đối với nam). Tóc không cột gọn gàng (đối với nữ). Nói tục hay có thái độ khiếm nhã với người khác trong Bệnh viện. | 500.000 VND/người/lần | |
| 29. | Để các vật dụng cá nhân, dụng cụ làm sạch không ngăn nắp | 200.000 VND/người/lần | |